

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc **hôn nhân gia đình** thụ lý số 811/2024/TLST-VHNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Phạm Đình K**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: **F Đường số A, Tổ H, Khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Bà **Trần Thị Bích V**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: **Số C, Tổ C, ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.**

**NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và căn cứ lời khai của đương sự trong quá trình tố tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông **Phạm Đình K** và bà **Trần Thị Bích V** tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2022, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 113/2022 ngày 20/10/2022. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông **Phạm Đình K** và bà **Trần Thị Bích V** hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc bình thường đến khoảng cuối năm 2023 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được. Nguyên nhân chính là do tính tình hai bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng cũng không thể hàn gắn được. Nay ông bà xác định vợ chồng không thể chung sống với nhau được

nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông **Phạm Đình K** và bà **Trần Thị Bích V** yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà là có cơ sở.

[2] Về con chung: Ông **K** và bà **V** trình bày không có.

[3] Về tài sản chung: Ông **K** và bà **V** trình bày không có.

Nợ chung: Ông **K** và bà **V** trình bày không có.

Ngày **23 tháng 5 năm 2024**, Tòa án lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ việc;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Phạm Đình K** và bà **Trần Thị Bích V** thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 113/2022 ngày 20/10/2022 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông **Phạm Đình K** và bà **Trần Thị Bích V** không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông **K** và bà **V** trình bày không có.

- Về tài sản chung: Ông **K** và bà **V** trình bày không có.

Nợ chung: Ông **K** và bà **V** trình bày không có.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mỗi người phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí ông **Phạm Đình K** và bà **Trần Thị Bích V** đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0026116 ngày 05/4/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông **Phạm Đình K** và bà **Trần Thị Bích V** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

#### **THẨM PHÁN**

**Nguyễn Xuân Tùng**

